ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11 /2021/QĐ-UBND	*Yên Bái, ngày 30 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2021 và thay thế Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức xã, phường, thị trấn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (Tự kiểm tra văn bản);
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Trần Huy Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2021/QĐ-UBND ngày 30/ 6 / 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã) tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công chức cấp xã gồm 06 chức danh: Chỉ huy trưởng Quân sự; Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hoá - xã hội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức tuyển dụng và quản lý công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Nguyên tắc và căn cứ tuyển dụng

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cấp xã được bố trí theo quy định.

2. Hằng năm Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát số lượng công chức hiện có và số lượng công chức còn thiếu so với số được giao theo từng chức danh, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) để tổng hợp nhu cầu tuyển dụng và xây dựng kế hoạch tuyển dụng trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định) xem xét, phê duyệt.

3. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải đảm bảo cơ cấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, trình độ chuyên môn đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

Điều 4. Tiêu chuẩn của công chức cấp xã

1. Tiêu chuẩn chung của công chức cấp xã theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Nghị định số 112/2011/NĐ-CP).

2. Tiêu chuẩn cụ thể của công chức cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2019/NĐ-CP) và các quy định tại Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi tắt là Thông tư số 13/2019/TT-BNV) và các tiêu chuẩn khác theo quy định của Trung ương.

3. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phải tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo, phù hợp với yêu cầu chức danh của công chức đảm nhiệm.

4. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự, phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và thực hiện các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 5. Ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã

1. Chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự, phải tốt nghiệp nhóm ngành đào tạo Quân sự cơ sở.

2. Chức danh Văn phòng - thống kê, phải tốt nghiệp một trong các nhóm ngành đào tạo: Hành chính; Luật; Quản trị Văn phòng; Văn thư - Lưu trữ; Công nghệ thông tin; Thống kê; Thống kê kinh tế - xã hội.

3. Chức danh Tài chính - kế toán, phải tốt nghiệp một trong các nhóm ngành đào tạo: Kế toán; Tài chính; Tài chính - ngân hàng.

4. Chức danh Tư pháp - hộ tịch, phải tốt nghiệp nhóm ngành đào tạo: Luật.

5. Chức danh Văn hóa - xã hội

a) Công chức đảm nhiệm công tác văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, phải tốt nghiệp một trong các nhóm ngành đào tạo: Quản lý văn hóa; Văn hóa du lịch; Quản lý thể dục - thể thao.

b) Công chức đảm nhiệm công tác lao động, thương binh, xã hội, y tế, giáo dục, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, gia đình, trẻ em và thanh niên, phải tốt nghiệp một trong các nhóm ngành đào tạo: Công tác xã hội; Quản lý lao động tiền lương; Bảo trợ xã hội; Tôn giáo; Bảo hiểm; Kinh tế lao động; Tài chính; Kế toán.

6. Chức danh Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường

a) Chức danh địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn)

Công chức đảm nhiệm công tác về lĩnh vực địa chính, môi trường, phải tốt nghiệp một trong các nhóm ngành đào tạo: Địa chính; Quản lý đất đai; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Môi trường.

Công chức đảm nhiệm công tác về lĩnh vực xây dựng, quản lý đô thị, phải tốt nghiệp một trong các nhóm ngành đào tạo: Xây dựng; Giao thông; Kiến trúc; Đô thị; Quản lý phát triển đô thị và bất động sản.

b) Chức danh Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)

Công chức đảm nhiệm công tác về lĩnh vực địa chính, xây dựng, môi trường, phải tốt nghiệp một trong các nhóm ngành đào tạo: Địa chính; Quản lý đất đai; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Xây dựng; Giao thông; Môi trường (trường hợp xã có cơ sở sản xuất kinh doanh tiểu thủ công, cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề).

Công chức đảm nhiệm công tác về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, phải tốt nghiệp một trong các nhóm ngành đào tạo: Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Nông lâm kết hợp; Thủy sản; Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Chăn nuôi thú y; Khoa học đất - dinh dưỡng cây trồng; Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thủy lợi.

7. Căn cứ vào tình hình thực tiễn các chuyên ngành đào tạo trong từng kỳ tuyển dụng sẽ xem xét, lựa chọn bổ sung ngành đào tạo (ngoài các nhóm ngành quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này) đảm bảo phù hợp với yêu cầu chức danh công chức đảm nhiệm.

Chương II
TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Mục 1
PHƯƠNG THỨC, THẨM QUYỀN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀ THÔNG BÁO TUYỂN DỤNG

Điều 6. Phương thức, thẩm quyền và ưu tiên trong tuyển dụng

1. Phương thức tuyển dụng

a) Tổ chức thi tuyển đối với các chức danh: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội;

b) Tổ chức xét tuyển đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã;

c) Tuyển dụng, tiếp nhận công chức cấp xã trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 17 Quy định này.

2. Thẩm quyền tuyển dụng

a) Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo kế hoạch tuyển dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và theo các quy định tại Quy định này;

b) Ngoài kỳ tuyển dụng công chức cấp xã tổ chức theo Kế hoạch tuyển dụng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xét tuyển theo yêu cầu nhiệm vụ đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự hoặc tuyển dụng, tiếp nhận đối với các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 17 Quy định này;

c) Khi hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, căn cứ số lượng người đăng ký dự tuyển, chậm nhất là 10 ngày trước khi tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thành lập Hội đồng thi tuyển hoặc Hội đồng xét tuyển (Hội đồng thi tuyển, Hội đồng xét tuyển sau đây gọi chung là Hội đồng tuyển dụng);

d) Trường hợp số lượng người đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng công chức cấp xã trong phạm vi quản lý của cấp huyện dưới 20 người thì không phải thành lập Hội đồng tuyển dụng; Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Nội vụ, sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ, cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác Nội vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã. Khi tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã vẫn phải thành lập các Ban giúp việc theo quy định, trong đó nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện thực hiện.

3. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

Điều 7. Điều kiện đăng ký dự tuyển

1. Người có đủ các điều kiện sau đây (không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, loại hình đào tạo, trường công lập, ngoài công lập) được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã.

a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

b) Đủ 18 tuổi trở lên;

c) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

d) Có Phiếu đăng ký dự tuyển (mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP);

đ) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp;

e) Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ;

g) Ngoài các điều kiện trên, Ủy ban nhân dân cấp xã được xác định thêm các điều kiện khác nhưng bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã cần tuyển, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi tổ chức tuyển dụng.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4, Điều 4 Quy định này.

3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

a) Không cư trú tại Việt Nam;

b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Điều 8. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

1. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển thực hiện theo quy định tại khoản 8, Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

2. Khi có thay đổi về nội dung thông báo tuyển dụng, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thực hiện việc công khai thông báo tuyển dụng bổ sung như Thông báo tuyển dụng lần đầu.

Mục 2
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VÀ CÁC BỘ PHẬN GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

Điều 9. Hội đồng tuyển dụng

1. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập. Hội đồng tuyển dụng hoạt động theo từng kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Thành viên, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển dụng thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

3. Hội đồng tuyển dụng được sử dụng con dấu, tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc của cơ quan tham mưu trực tiếp trong các hoạt động của Hội đồng tuyển dụng, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

4. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi tuyển công chức cấp xã và xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự trong cùng một kỳ tuyển dụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập một Hội đồng tuyển dụng để tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định.

5. Không bố trí làm thành viên Hội đồng tuyển dụng đối với những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột hoặc của bên vợ (chồng) hoặc vợ hoặc chồng hoặc là con đẻ hoặc con nuôi của người dự tuyển hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên tham gia Hội đồng tuyển dụng được quy định tại Điều 2 của Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (sau đây gọi tắt là Quy chế) ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2020/TT-BNV).

Điều 10. Các bộ phận giúp việc của Hội đồng

Việc thành lập các ban giúp việc hội đồng; nhiệm vụ, quyền hạn của các ban giúp việc Hội đồng thực hiện theo quy định tại mục 2, Chương I của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

Mục 3
THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 11. Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển

Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

Điều 12. Tổ chức thi tuyển xác định người trúng tuyển

1. Tổ chức thi tuyển thực hiện theo quy định tại Chương II của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

2. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

Điều 13. Thông báo kết quả tuyển dụng, hồ sơ của người trúng tuyển, thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc

1. Thông báo kết quả tuyển dụng: Thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

2. Hồ sơ của người trúng tuyển công chức cấp xã, bao gồm: Sơ yếu lý lịch theo mẫu có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác hoặc cư trú; Bản sao giấy khai sinh; Bản sao các văn bằng, chứng chỉ được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch thuật sang tiếng Việt, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận; Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế đủ điều kiện cấp và trong thời hạn sử dụng theo quy định; Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp.

3. Căn cứ thông báo kết quả trúng tuyển quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tuyển dụng công chức cấp xã.

4. Trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức có lý do chính đáng mà không thể đến nhận việc thì phải làm đơn xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn nêu trên, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện. Thời gian xin gia hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nhận việc quy định tại khoản này.

5. Trường hợp người trúng tuyển vào công chức cấp xã không đến nhận việc sau thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng, đồng thời ra quyết định tuyển dụng đối với người đủ điều kiện trúng tuyển có điểm thi thấp hơn liền kề.

Mục 4
XÉT TUYỂN CHỨC DANH CHỈ HUY TRƯỞNG QUÂN SỰ CẤP XÃ

Điều 14. Nội dung, hình thức và quy trình xét tuyển

1. Nội dung và hình thức xét tuyển:

a) Nội dung và hình thức xét tuyển thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

b) Trước khi xét tuyển phải có ý kiến bằng văn bản của Chỉ huy Trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

2. Chuẩn bị tổ chức xét tuyển:

a) Trước ngày tổ chức xét tuyển ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng phải hoàn thành các công tác chuẩn bị cho kỳ xét tuyển: Chuẩn bị các mẫu biểu liên quan đến tổ chức xét tuyển gồm; danh sách thí sinh để gọi vào phòng kiểm tra sát hạch; danh sách để thí sinh ký xác nhận sau khi dự kiểm tra sát hạch; mẫu biên bản giao, nhận đề kiểm tra, sát hạch; mẫu biên bản mở đề kiểm tra, sát hạch; mẫu biên bản bàn giao kết quả kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, kết quả kiểm tra, sát hạch; mẫu biên bản xử lý vi phạm nội quy, quy định xét tuyển và các mẫu biên bản khác có liên quan đến việc xét tuyển. Chuẩn bị thẻ cho các thành viên Hội đồng, Ban kiểm tra phiếu dự tuyển, Ban kiểm tra, sát hạch. Thẻ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng, Trưởng Ban kiểm tra phiếu dự tuyển, Trưởng ban kiểm tra, sát hạch in đầy đủ họ tên và chức danh. Thẻ của các thành viên khác chỉ in chức danh;

b) Trước ngày tổ chức xét tuyển ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng niêm yết danh sách thí sinh tham gia dự kỳ xét tuyển theo số báo danh, nội quy, hình thức, tại địa điểm tổ chức xét tuyển.

3. Quy trình thực hiện xét tuyển:

a) Ban kiểm tra Phiếu dự tuyển kiểm tra điều kiện người dự tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự đã đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển, báo cáo kết quả kiểm tra điều kiện của người dự tuyển đã đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển với Hội đồng tuyển dụng xem xét để thống nhất xác định danh sách người đủ điều kiện tham gia kiểm tra sát hạch;

b) Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc kiểm tra điều kiện của người dự tuyển đã đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng niêm yết công khai danh sách người đủ điều kiện tham gia dự kiểm tra sát hạch tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký tuyển dụng và gửi thông báo triệu tập người dự tuyển đủ điều kiện kiểm tra sát hạch theo địa chỉ mà người dự tuyển đăng ký (trong thông báo nêu cụ thể về thời gian, địa điểm tổ chức ôn tập (nếu có), địa điểm tổ chức kiểm tra sát hạch);

c) Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập người dự tuyển, Ban kiểm tra sát hạch thực hiện kiểm tra sát hạch về năng lực, trình độ chuyên môn của người dự xét tuyển.

Nội dung kiểm tra sát hạch: Kiểm tra sát hạch trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; năng lực tổ chức vận động nhân dân ở địa phương, thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; am hiểu và tôn trọng phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư trên địa bàn công tác; khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự; giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước;

Ủy ban nhân dân cấp huyện được xác định thêm các nội dung kiểm tra sát hạch khác nhưng không trái với quy định về tiêu chuẩn và năng lực thực hiện nhiệm vụ của pháp luật chuyên ngành.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định hình thức kiểm tra sát hạch (phỏng vấn hoặc viết).

đ) Thang điểm (phỏng vấn hoặc viết): 100 điểm.

Điều 15. Xác định người trúng tuyển

1. Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

2. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

Điều 16. Thông báo kết quả tuyển dụng, hồ sơ của người trúng tuyển, thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc

1. Thông báo kết quả tuyển dụng và hồ sơ của người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Quy định này.

2. Thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 34/2019NĐ-CP.

Mục 5
TUYỂN DỤNG, TIẾP NHẬN CÔNG CHỨC CẤP XÃ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Điều 17. Điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng, tiếp nhận công chức cấp xã trong trường hợp đặc biệt

Căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã quy định tại Điều 8 Quy định này và yêu cầu công việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được tuyển dụng, tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển, xét tuyển đối với các trường hợp đặc biệt sau:

1. Người tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi ở trong nước hoặc đạt loại khá trở lên ở nước ngoài, có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng;

Việc xác định tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ở trong nước, loại khá trở lên ở nước ngoài được căn cứ vào xếp loại tại bằng tốt nghiệp.

2. Người có trình độ từ đại học trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và có ít nhất 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên làm công việc phù hợp với yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng (không kể thời gian tập sự, thử việc). Nếu có thời gian công tác không liên tục, chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn, gồm:

a) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, đã có thời gian làm viên chức 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên, tính từ thời điểm được tuyển dụng viên chức (không kể thời gian tập sự);

b) Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu, đã có thời gian công tác 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) hoặc làm công tác cơ yếu, tính từ thời điểm có quyết định tuyển dụng chính thức vào quân đội, công an hoặc tại các tổ chức của lực lượng cơ yếu.

3. Cán bộ cấp xã giữ chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP khi thôi đảm nhiệm chức vụ cán bộ cấp xã được xem xét, tuyển dụng vào công chức cấp xã không qua thi tuyển nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Quy định này;

b) Còn số lượng và vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng;

c) Đáp ứng được ngay yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng;

d) Trường hợp trước khi bầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã chưa phải là công chức cấp xã thì thời gian giữ chức vụ cán bộ cấp xã ít nhất là 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên;

đ) Tại thời điểm tuyển dụng không trong thời gian bị xem xét kỷ luật; bị điều tra, truy tố, xét xử và không trong thời hạn bị thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Công chức cấp xã được bầu cử, bổ nhiệm giữ chức vụ cán bộ cấp xã, khi thôi đảm nhiệm chức vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tiếp nhận trở lại làm công chức cấp xã nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không còn vị trí chức danh công chức cấp xã thì giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quy trình tuyển dụng, tiếp nhận công chức cấp xã trong trường hợp đặc biệt

1. Khi tuyển dụng công chức cấp xã quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 17 Quy định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện quy trình như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã trong trường hợp đặc biệt;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

Hội đồng kiểm tra, sát hạch có 05 thành viên gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; 01 ủy viên là lãnh đạo cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác Nội vụ, kiêm Thư ký Hội đồng; 01 ủy viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến bố trí công chức sau khi được tuyển dụng; 02 ủy viên khác là đại diện một số phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ cấp huyện có liên quan;

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch: kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển; sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tuyển dụng vào công chức cấp xã;

Hình thức và nội dung sát hạch do Hội đồng kiểm tra, sát hạch căn cứ vào tiêu chuẩn và nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định trước khi tổ chức sát hạch;

c) Chủ tịch Hội đồng kiểm tra sát hạch tổ chức thực hiện kiểm tra sát hạch theo quy định; tổng hợp; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả kiểm tra sát hạch;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ kết quả kiểm tra sát hạch, xem xét, quyết định tuyển dụng công chức cấp xã đối với người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

2. Đối với trường hợp tiếp nhận công chức cấp xã quy định tại khoản 4 Điều 17 Quy định này, Cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác Nội vụ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tiếp nhận công chức cấp xã theo quy trình sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nhu cầu tiếp nhận công chức cấp xã trong trường hợp đặc biệt;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Cơ quan tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác Nội vụ tổ chức kiểm tra các điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển theo quy định;

c) Cơ quan tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác Nội vụ tổ chức kiểm tra các điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả kiểm tra các điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển để xem xét, quyết định tiếp nhận công chức cấp xã đối với người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

3. Hồ sơ của người được đề nghị tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức cấp xã trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 13/2019/TT-BNV.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, cho ý kiến thống nhất trước khi Quyết định tuyển dụng, tiếp nhận công chức cấp xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Mục 6
NỘI QUY KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, LƯU TRỮ TÀI LIỆU

Điều 19. Nội quy kỳ tuyển dụng công chức cấp xã

Nội quy kỳ tuyển dụng công chức cấp xã được áp dụng thực hiện theo Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch, công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

Điều 20. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và lưu trữ tài liệu

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và lưu trữ tài liệu được thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 38 của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

Chương III
SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 21. Bố trí công chức cấp xã

1. Việc bố trí, phân công công tác cho công chức phải đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ được giao của chức danh công chức được tuyển dụng, được bổ nhiệm.

2. Những chức danh công chức cấp xã có 02 người đảm nhiệm, khi được tuyển dụng, ghi hồ sơ lý lịch và sổ bảo hiểm xã hội phải thống nhất theo đúng tên gọi của chức danh công chức cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

3. Kiêm nhiệm chức danh công chức

a) Ngoài việc bố trí cán bộ cấp xã kiêm nhiệm chức vụ cán bộ cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể bố trí cán bộ cấp xã kiêm nhiệm chức danh công chức cấp xã khi cán bộ cấp xã đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh công chức cấp xã quy định tại Quy định này.

b) Công chức cấp xã được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

c) Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 13/2019/TT-BNV.

Điều 22. Thẩm quyền quản lý công chức cấp xã

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định số lượng cụ thể công chức cấp xã theo quy định của Chính phủ và Hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

b) Quyết định ban hành quy định về phân cấp quản lý đối với công chức cấp xã; quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã; quy định về tiêu chuẩn, ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã;

c) Phê duyệt kế hoạch tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã;

d) Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, chương trình, đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã;

đ) Cho ý kiến về việc tiếp nhận công chức cấp xã từ tỉnh khác đến làm công chức cấp xã trong tỉnh;

e) Cho ý kiến bằng văn bản về việc điều động công chức cấp tỉnh về làm công chức cấp xã;

g) Chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức cấp xã.

2. Sở Nội vụ:

a) Thẩm định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

b) Cho ý kiến việc điều động công chức cấp xã ra ngoài tỉnh;

c) Cho ý kiến về việc điều động, tiếp nhận công chức cấp xã của cấp huyện từ huyện này chuyển sang huyện khác (trong tỉnh);

d) Hướng dẫn việc xây dựng các đề thi tuyển dụng công chức cấp xã;

đ) Thẩm định, cho ý kiến về việc nâng lương trước thời hạn; xếp lương đối với các trường hợp mới được tuyển dụng, bổ nhiệm, tiếp nhận vào công chức cấp xã; chuyển xếp lương theo ngạch, bậc tương ứng với trình độ đào tạo và các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức tuyển dụng, bố trí, sắp xếp số lượng, chức danh; đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức cấp xã; tổng hợp thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh;

g) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo theo thẩm quyền và các công tác khác có liên quan đến quản lý công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Trình Sở Nội vụ thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua sở Nội vụ) kết quả tuyển dụng; danh sách dự kiến người trúng tuyển;

c) Quyết định điều động công chức cấp huyện về làm công chức cấp xã; chuyển đổi vị trí chức danh công chức cấp xã (sau khi quyết định báo cáo Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý);

d) Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, tiếp nhận, biệt phái, tăng cường; xếp lương, chuyển xếp lương theo ngạch, bậc tương ứng với trình độ đào tạo, nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung; nghỉ hưu, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật;

đ) Lập kế hoạch; quy hoạch; đào tạo, bồi dưỡng công chức cấp xã theo quy định của pháp luật;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ, chính sách; đánh giá, xếp loại chất lượng công chức cấp xã hàng năm theo quy định;

g) Hướng dẫn lập và quản lý hồ sơ công chức cấp xã; tổng hợp thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng công chức cấp xã trên địa bàn cấp huyện;

h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

i) Các công tác khác có liên quan đến quản lý công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Rà soát số lượng công chức hiện có và số lượng công chức còn thiếu so với số lượng được giao theo từng chức danh, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã;

b) Trực tiếp quản lý và sử dụng công chức cấp xã; tổ chức thực hiện kế hoạch; quy hoạch; đào tạo, bồi dưỡng; nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng công chức cấp xã hàng năm;

c) Thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức cấp xã theo quy định;

d) Tổ chức, thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật công chức cấp xã theo quy định của pháp luật;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật;

e) Lập và quản lý hồ sơ công chức cấp xã; thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện số lượng, chất lượng công chức cấp xã;

g) Các công tác khác có liên quan đến quản lý đối với công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này./.